

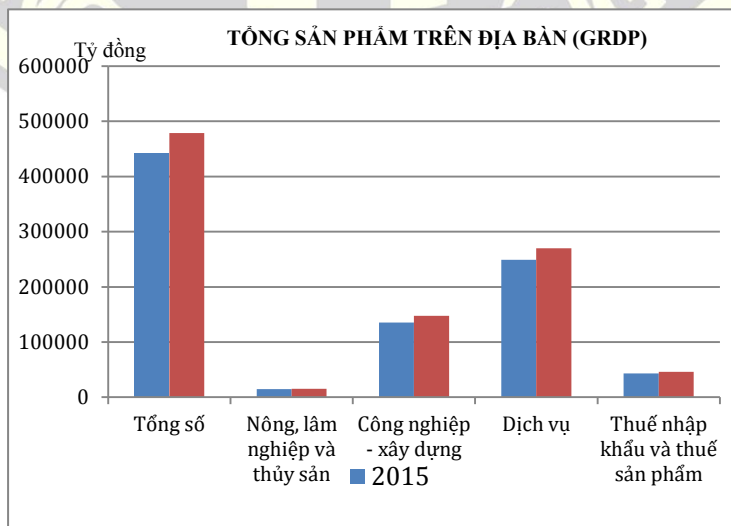
Số: 655/BC-CTK

Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO
Tình hình kinh tế - xã hội tháng Mười hai và cả năm 2016

Năm 2016, năm đầu triển khai Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XVI, kế hoạch 5 năm 2016-2020, Thành phố triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với khối lượng công việc rất lớn, nhiều khó khăn, thách thức. Bên cạnh đó bầu cử đại biểu Quốc hội, HĐND các cấp được tổ chức thành công; các chức danh lãnh đạo, tổ chức bộ máy của các đơn vị được kiện toàn, sắp xếp lại. Với bộ máy được kiện toàn, kế hoạch phát triển Kinh tế - xã hội 2016 được triển khai thực hiện với tinh thần đổi mới, sáng tạo, quyết liệt. Kết quả, kinh tế Hà Nội năm 2016 tiếp tục duy trì mức tăng trưởng khá so cùng kỳ năm trước: Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) tăng 8,2%; vốn đầu tư phát triển trên địa bàn tăng 10%; tổng mức lưu chuyển hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội tăng 10%; kim ngạch xuất khẩu tăng 1,3%;...

1. Tổng sản phẩm trên địa bàn



Ước tính năm 2016, tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) tăng 8,2% so cùng kỳ năm trước. Trong đó:

- Giá trị tăng thêm ngành nông lâm nghiệp thủy sản tăng 2,21% (đóng góp 0,07% vào mức tăng chung của GRDP).

Những tháng đầu năm, thời tiết không thuận lợi làm ảnh hưởng đến diện tích trồng cây vụ đông, vì vậy, mặc dù năng suất nhiều loại cây trồng có tăng

nhưng sản lượng các cây trồng chính vụ Đông giảm khá mạnh; Lúa và cây trồng vụ Xuân được gieo trồng đúng thời vụ, đảm bảo diện tích, sinh trưởng và phát triển tốt. Vụ Mùa năm nay, thời tiết không thuận lợi, ngay từ đầu vụ, sản xuất nông nghiệp đã bị ảnh hưởng bởi cơn bão số 1 làm ngập 1.433 ha lúa, trong đó 108 ha ngập trắng. Chăn nuôi tăng trưởng khá với số lượng đầu con gia súc, gia cầm, sản lượng thịt, trứng, sữa tăng so cùng kỳ năm trước; Công tác tuyên truyền và phòng chống dịch bệnh cho gia súc, gia cầm triển khai có hiệu quả, một số bệnh truyền nhiễm trên vật nuôi đã được xử lý kịp thời, hiệu quả. Thủy sản phát triển tốt do thay đổi hình thức nuôi ở trình độ kỹ thuật cao, tuân thủ theo các qui tắc kỹ thuật tác động đến quá trình phát triển và sinh trưởng của con giống nên cho năng suất cao hơn so với phương pháp nuôi truyền thống. Thường xuyên tu bổ, duy tu bảo dưỡng đê điều đảm bảo an toàn phòng, chống lụt bão. Việc quản lý, bảo vệ rừng được duy trì thường xuyên.

- Giá trị tăng thêm ngành công nghiệp, xây dựng tăng 9% (đóng góp 2,75% vào mức tăng chung).

- + Sản xuất công nghiệp trên địa bàn Thành phố Hà Nội năm 2016 vẫn còn gặp nhiều khó khăn, tuy nhiên, các cấp, các cơ quan quản lý nhà nước đã quan tâm chỉ đạo, với những giải pháp hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh... Phía doanh nghiệp cũng đã nỗ lực rất lớn, chủ động trong sản xuất tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm để đẩy mạnh phát triển sản xuất, tiết giảm chi phí sản xuất, xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại tiêu thụ sản phẩm... Kết quả sản xuất công nghiệp đã chuyển động theo chiều hướng tích cực và đạt mức tăng trưởng khả quan, năm 2016 giá trị tăng thêm ngành công nghiệp tăng 7,2% so cùng kỳ, đóng góp 1,6% vào mức tăng chung.

- + Ngay từ đầu năm, nhiều dự án phát triển hạ tầng đã được tập trung triển khai với phương thức đầu tư xã hội hóa, bên cạnh đó các dự án phát triển hạ tầng sử dụng nguồn vốn Nhà nước và vốn ODA cũng được đẩy nhanh tiến độ. Hàng loạt dự án phát triển nhà ở, đặc biệt là các chung cư được hoàn thành và mở bán trong năm góp phần tăng trưởng ngành xây dựng, giá trị gia tăng ngành xây dựng tăng 13,8%, đóng góp 1,15% vào mức tăng chung.

- Giá trị tăng thêm ngành dịch vụ tăng 8,3%, đây là nhóm ngành thế mạnh của Hà Nội, luôn có điểm đóng góp cao trong mức tăng chung (đóng góp 4,67% vào mức tăng chung). Năm 2016, thành phố tăng cường các chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân; Sự sôi động trở lại của thị trường bất động sản, một số chung cư cao tầng hoàn thành và bán hết trong một thời gian ngắn; các loại hình dịch vụ mới phát triển với tốc độ nhanh, thị trường hàng hóa ổn định, lượng hàng khá dồi dào, giá cả được kiểm soát, không xảy ra hiện tượng thiếu hàng

hoặc tăng giá đột biến. Tổng mức lưu chuyển hàng hoá và doanh thu dịch vụ năm 2016 tăng 10% so cùng kỳ, trong đó, bán lẻ và doanh thu dịch vụ tăng 8,8%; Năm 2016 ngoài các chính sách phát triển, khai thác danh lam thắng cảnh tự nhiên, các di tích lịch sử văn hóa, Thành phố còn chú trọng đến phát triển các khu du lịch sinh thái vì vậy du lịch cũng đạt được những kết quả khả quan, lượng khách du lịch đến Hà Nội đạt trên 12 triệu lượt khách, tăng 7,5% so cùng kỳ; Hoạt động tín dụng chuyển biến khá, các ngân hàng thương mại đã cam kết cho vay theo chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp, các tổ chức tín dụng tiếp tục thực hiện phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu. Các ngành khối hành chính sự nghiệp như quản lý nhà nước, giáo dục, văn hoá, y tế... vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng khá.

2. Sản xuất công nghiệp

2.1. Tình hình sản xuất kinh doanh

Sản xuất công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2016 được sự quan tâm chỉ đạo của các cấp, các cơ quan quản lý nhà nước với những giải pháp hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn nên đã đạt được kết quả khả quan. Những tháng cuối năm, chỉ số tiêu thụ sản phẩm và chỉ số sản xuất luôn ở mức tăng khá, bên cạnh đó chỉ số tồn kho có xu hướng giảm dần cho thấy sức tiêu thụ của thị trường đã có chuyển biến tích cực.

Chỉ số sản xuất ngành công nghiệp tháng Mười hai tăng 5,5% so với tháng trước và tăng 9,9% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: công nghiệp khai khoáng tăng 3,7% và giảm 83,2%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 5,4% và 10,6%; sản xuất, phân phối điện, khí đốt tăng 4,9% và 7,4%; cung cấp nước, xử lý nước thải và thu gom rác tăng 10% và 0,7%.

Chỉ số sản xuất công nghiệp cộng dồn cả năm 2016 tăng 7,1% so cùng kỳ, trong đó: công nghiệp khai khoáng giảm 53,6%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 7,5%; sản xuất, phân phối điện, khí đốt tăng 7,6%; cung cấp nước, xử lý nước thải và thu gom rác tăng 1,3%. Một số ngành sản xuất công nghiệp chế biến, chế tạo có tốc độ tăng cao so với tốc độ tăng chung của toàn ngành như: sản xuất chế biến thực phẩm (tăng 21%), sản xuất trang phục (tăng 20%), sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu (tăng 30,1%), sản xuất kim loại (tăng 12,6%), sản xuất giường tủ bàn ghế (tăng 64,9%)... Một số ngành có chỉ số sản xuất giảm so cùng kỳ như: sản xuất đồ uống (giảm 2%), chế biến gỗ và sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (giảm 46,5%), sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất (giảm 7,6%), sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (giảm 8,8%)...

Một số sản phẩm công nghiệp tháng Mười hai có lượng sản xuất tăng so với tháng trước và cùng kỳ, cụ thể: Bánh kẹo các loại (tăng 7,3% và 3,1%), áo sơ mi cho người lớn dệt kim hoặc đan móc (tăng 31,7% và 14%), giấy bìa dùng

để viết và in (tăng 33,5% và 5,5%), dược phẩm chứa hóa chất (tăng 23,6% và 19,5%)... Cộng dồn cả năm 2016, một số sản phẩm có tốc độ tăng so với năm trước có: vải dệt kim (tăng 15,4%), áo sơ mi cho người lớn dệt kim hoặc đan móc (tăng 28,1%), cửa gỗ (tăng 13,1%), giấy bìa dùng để viết và in (tăng 61,5%), tủ lạnh gia đình (tăng 30,8%), xe mô tô xe máy (tăng 10,2%), phụ tùng xe có động cơ (tăng 19,6%), ghế khung gỗ (tăng 37,8%), giường gỗ các loại (tăng 23,6%), bàn gỗ các loại (tăng 76,1%)...

Chỉ số tiêu thụ ngành công nghiệp chế biến, chế tạo cộng dồn 11 tháng năm 2016 tăng 6,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó chỉ số tiêu thụ của một số ngành tăng cao hơn so với bình quân chung toàn ngành như: sản xuất chế biến thực phẩm (tăng 19,1%), sản xuất trang phục (tăng 14,1%), sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy (tăng 35,1%), sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu (tăng 22%), sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại (tăng 7,8%), sản xuất xe có động cơ (tăng 44,7%), sản xuất phương tiện vận tải khác (tăng 14%)... Bên cạnh đó, một số ngành có chỉ số tiêu thụ sản phẩm 11 tháng giảm so cùng kỳ như: công nghiệp dệt (giảm 35,6%), sản xuất kim loại (giảm 17,9%), sản xuất sản phẩm điện tử (giảm 13,6%)...

Chỉ số tồn kho sản phẩm ngành công nghiệp chế biến chế tạo trong những tháng cuối năm đã giảm dần so những tháng trước, tại thời điểm 01/12/2016 chỉ số tồn kho giảm 6,5% so với thời điểm 01/11/2016 và giảm 29,9% so với cùng thời điểm năm trước (01/12/2015 tăng 20,6% so cùng thời điểm 2014). Trong 19 ngành công nghiệp chế biến chế tạo cấp 2 thì 13 ngành có chỉ số tồn kho giảm so cùng kỳ, điều này cho thấy các doanh nghiệp đã có bước tiến triển về xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại để tiêu thụ sản phẩm sản xuất ra. Một số ngành chỉ số tồn kho giảm so với cùng thời điểm năm trước như: sản xuất đồ uống (giảm 11,8%), sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy (giảm 21,7%), sản xuất hóa chất (giảm 16,6%), sản xuất thiết bị điện (giảm 61,6%), sản xuất máy móc thiết bị khác (giảm 57,3%)...

2.2. Tình hình biến động lao động trong các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp

Tình hình sử dụng lao động ở các doanh nghiệp công nghiệp trong năm 2016 tương đối ổn định, không có biến động lớn. Cộng dồn cả năm 2016, chỉ số sử dụng lao động trong các doanh nghiệp công nghiệp tăng 0,7% so với năm trước. Trong đó: các doanh nghiệp nhà nước giảm 1,3%, các doanh nghiệp ngoài nhà nước giảm 2,4%, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng 3,5%.

Một số ngành có chỉ số sử dụng lao động biến động lớn so với cùng kỳ có: Sản xuất đồ uống (giảm 8,9%), dệt (giảm 20,4%), sản xuất trang phục (tăng 8%), sản xuất hóa chất (giảm 7,8%), sản xuất thuốc (tăng 2,8%), sản xuất thiết

bị điện (giảm 4,6%), sản xuất giường tủ bàn ghế (tăng 9,8%), khai thác, xử lý cung cấp nước (tăng 3%)...

3. Vốn đầu tư và đăng ký doanh nghiệp

3.1. Vốn đầu tư

Ước tính năm 2016, vốn đầu tư phát triển trên địa bàn thành phố Hà Nội đạt 277.950 tỷ đồng, tăng 10% so cùng kỳ. Trong đó, vốn nhà nước trên địa bàn tăng 6,6%; vốn ngoài nhà nước tăng 15%, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng 2,4%.

Năm 2016, tình hình đầu tư phát triển trên địa bàn Hà Nội tập trung vào vốn ngoài nhà nước (chiếm gần 48% tổng vốn đầu tư, tăng 15% so cùng kỳ); Vốn nhà nước tăng nhưng tăng không cao, trong đó: vốn nhà nước trung ương giảm 3% so cùng kỳ, vốn địa phương quản lý tăng 39,4%.

Ước tính năm 2016, vốn đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước địa phương quản lý đạt 31.687 tỷ đồng, tăng 45,9% so cùng kỳ. Năm 2016, nguồn vốn đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý tăng cao vì thành phố tập trung vốn cho các công trình trọng điểm thuộc các dự án chuyển tiếp cũng như các công trình trọng điểm giai đoạn 2016-2020; Hầu hết các công trình trọng điểm của thành phố đều thực hiện đúng tiến độ, tuy nhiên vẫn còn 1 số dự án triển khai chậm so với yêu cầu đề ra).

*** Tiến độ một số công trình, dự án trên địa bàn thành phố:**

- Dự án thoát nước nhằm cải thiện môi trường Hà Nội, tổng số 16 gói thầu đã hoàn thành công tác thi công 11 gói và bàn giao cho đơn vị quản lý đưa vào vận hành sử dụng, một số gói còn lại một số hạng mục đang hoàn thiện như: phần hè, đường tuyến mương TE3 của gói thầu số 3; Chuẩn bị thảm đường và hoàn thiện 40m đoạn tuyến cuối cùng Vĩnh Tuy của gói thầu số 4; Gói thầu số 5.1 còn 796 m vướng mặt bằng không thi công được; Đang dọn dẹp mặt bằng, hoàn thiện trạm bơm của hồ và vận chuyển đất đào của gói thầu số 6.2.

- Dự án xây dựng đường vành đai 1 (đoạn Ô Đông Mác - đê Nguyễn Khoái): Dự án đã hoàn thành các hạng mục chính và đưa vào khai thác sử dụng, hiện đang hoàn thiện nốt các công việc còn lại của dự án theo chủ trương điều chỉnh, bổ sung của Thành phố. Cụ thể: Đối với tuyến nhánh Kim ngư, đã thảm bê tông nhựa 250m, còn 50m từ cọc K7 đến H2 chưa thực hiện được do Ban quản lý dự án lưới điện Hà Nội chưa thực hiện bàn giao mặt bằng; Đang khẩn trương thực hiện các thủ tục phê duyệt thiết kế, ký phụ lục hợp đồng, đối với phần bổ sung hạng mục hạ ngầm hệ thống điện và thông tin để triển khai thi công; Đối với hạng mục cải tạo mở rộng đường Nguyễn Khoái, đang thực hiện các thủ tục phê duyệt thiết kế, xin kế hoạch đầu thầu lựa chọn nhà thầu.

- Dự án tuyến đường sắt đô thị thí điểm thành phố Hà Nội, đoạn Nhổn - ga Hà Nội: Dự án gồm 9 gói thầu chính, đã triển khai thi công một số gói thầu

CP01, CP02, CP03, CP05; Đang triển khai các thủ tục khởi công gói thầu CP08; Gói thầu CP07 đang triển khai thiết kế.

3.2. Đầu tư trực tiếp nước ngoài và đăng ký thành lập doanh nghiệp

Năm 2016, đã thu hút được 445 dự án mới có vốn đầu tư nước ngoài với số vốn đăng ký 2,8 tỷ USD (gồm cả vốn của các dự án tăng vốn đầu tư trong năm), tăng 46,4% về số dự án và tăng 164% về vốn so cùng kỳ; Vốn thực hiện ước đạt 1,2 tỷ USD.

Việc Hà Nội chủ động thực hiện rút ngắn thời gian đăng ký thành lập doanh nghiệp từ 5 ngày xuống còn 3 ngày trước 6 tháng theo quy định của Luật Doanh nghiệp đã được cộng đồng doanh nghiệp đánh giá cao. Số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới năm 2016 ước tính trên 22.900 doanh nghiệp, tăng 19% so cùng kỳ, với số vốn đăng ký gần 204 nghìn tỷ đồng, tăng 42% so cùng kỳ.

4. Thương mại dịch vụ

4.1. Nội thương

Ngay từ những ngày đầu tháng Mười hai, những mặt hàng phục vụ lễ hội Noel đã được các doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể nhập khẩu và bày bán khá nhiều tại các cửa hàng, siêu thị và trên các tuyến phố. Mặt khác, Tết cổ truyền năm nay rơi vào tháng 1/2017 nên tháng 12 là tháng được các đơn vị đẩy mạnh sản xuất, thu gom, dự trữ hàng hóa nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng tăng cao trong dịp Tết Nguyên đán như lương thực, thực phẩm, bánh, mứt, kẹo, rượu, bia.... Bên cạnh đó, thị trường hàng điện tử, điện máy cũng có những chương trình khuyến mại hấp dẫn như tặng quà, giảm giá, mua trả góp lãi suất 0% nhằm kích cầu tiêu dùng nên doanh số của các mặt hàng điện máy tháng 12 năm nay tăng mạnh so tháng trước.

Tổng mức lưu chuyển hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội tháng Mười hai đạt 192.767 tỷ đồng, tăng 2,9% so tháng trước và 11,6% so cùng kỳ. Trong đó, tổng mức bán lẻ đạt 45.816 tỷ đồng, tăng 1,4% và 9,4%.

Tính chung cả năm 2016, tổng mức lưu chuyển hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội đạt 2.131 nghìn tỷ đồng, tăng 10% so năm 2015. Trong đó, tổng mức bán lẻ đạt 504 nghìn tỷ đồng, tăng 8,8%.

Trong tổng mức lưu chuyển hàng hóa và doanh thu dịch vụ, năm 2016, kinh tế nhà nước chiếm 28,6%, tăng 7% so cùng kỳ; kinh tế ngoài nhà nước chiếm 66,7%, tăng 11,5%; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 4,7%, tăng 8%.

Năm 2016, Việt Nam tăng cường những chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đẩy mạnh sản xuất trong nước, tập trung thu hút vốn đầu tư, nâng cao chất lượng hàng hóa, mẫu mã, bao bì đẹp đáp ứng nhu cầu tiêu dùng. Bên cạnh đó, thị trường bất động sản đã có những khởi sắc, nhà chung cư cao tầng được hoàn thiện và bán hết trong thời gian ngắn, các trung tâm thương

mai, siêu thị cũng tăng đáp ứng nhu cầu tại chỗ cũng góp phần để tổng mức bán ra và bán lẻ đạt tốc độ tăng trên.

4.2. Ngoại thương

4.2.1. Xuất khẩu

Trị giá xuất khẩu tháng Mười hai ước đạt 928 triệu USD, tăng 3% so tháng trước và 2,1% so cùng kỳ. Trong đó, xuất khẩu địa phương đạt 708 triệu USD, tăng 3,1% so tháng trước và so cùng kỳ.

Tính chung cả năm, trị giá xuất khẩu đạt 10.613 triệu USD, tăng 1,3% so năm 2015. Trong đó, xuất khẩu địa phương đạt 8.143 triệu USD, tăng 1,5%.

Đóng góp nhiều nhất vào tăng kim ngạch xuất khẩu năm 2016 là nhóm hàng máy móc thiết bị, phụ tùng tăng 14,5%; phương tiện vận tải và phụ tùng tăng 24,4%. Bên cạnh đó vẫn còn nhiều nhóm hàng có giá trị xuất khẩu giảm như: *nông sản, giảm 9,2%* do thị trường xuất khẩu lớn nhất của nước ta là Trung Quốc đã siết chặt kiểm dịch về thực vật nên nông sản xuất khẩu của ta sang thị trường này gặp nhiều khó khăn; *dệt may, giảm 5,2%* do nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc tìm kiếm đơn hàng mới và giá nhân công rẻ trong ngành đang bị mất dần trong khi các chi phí đầu vào, chi phí trung gian tăng, ngoài ra ngành còn chịu sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt từ các thị trường như Trung Quốc, Ấn Độ,... *Xăng dầu, giảm 16,2%* do năm qua những thị trường chính như Lào, Campuchia đều giảm lượng nhập khẩu xăng dầu của Việt Nam.

4.2.2. Nhập khẩu

Trị giá nhập khẩu tháng Mười hai ước đạt 2.414 triệu USD, tăng 0,8% so tháng trước và tăng 2,4% so cùng kỳ. Trong đó, nhập khẩu địa phương đạt 1.041 triệu USD, tăng 0,6% và tăng 5,1%.

Tính chung cả năm 2016, kim ngạch nhập khẩu đạt 24.833 triệu USD, bằng 96,6% so cùng kỳ năm trước. Trong đó, kim ngạch nhập khẩu địa phương đạt 10.804 triệu USD, bằng 97,7% so cùng kỳ năm trước.

Một số mặt hàng có kim ngạch nhập khẩu giảm mạnh trong năm 2016 là xăng dầu, giảm 22,5% so năm 2015; phân bón, giảm 13,8%; hóa chất, giảm 14,3%.

4.3. Du lịch

Tháng Mười hai, khách quốc tế đến Hà Nội đạt 254 nghìn lượt khách, tăng 2,4% so tháng trước và tăng 3,6% so cùng kỳ; khách nội địa đến Hà Nội ước đạt 807 nghìn lượt khách, tăng 1,8% và tăng 8,1%; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành đạt 4.787 tỷ đồng, tăng 1,2% và tăng 10,7%.

Tính chung cả năm 2016, khách quốc tế đến Hà Nội đạt 2.800 nghìn lượt khách, tăng 19,9% so năm 2015; khách nội địa đạt 9.240 nghìn lượt người, tăng 4,3%; doanh thu khách sạn, lữ hành đạt 55.105 tỷ đồng, tăng 10,6%.

Trong tổng số lượt khách quốc tế đến Hà Nội năm 2016: khách đi bằng đường hàng không đạt 2.471 nghìn lượt người, tăng 21,8%; khách đến với mục đích du lịch, nghỉ ngơi đạt 2.301 nghìn lượt, tăng 24,8%; khách đến vì công việc đạt 412 nghìn lượt, bằng 94,3% năm 2015; khách đến từ Đức tăng 31,5%, Pháp tăng 24,3%; Trung Quốc tăng 48,4%;...

4.4. Vận tải

Tháng Mười hai, khối lượng vận chuyển hàng hóa đạt 51 triệu tấn, tăng 1,8% so tháng trước và tăng 13,9% so cùng kỳ. Khối lượng hàng hóa luân chuyển đạt 4.393 triệu tấn.km, tăng 2,8% và tăng 16,4% so cùng kỳ (khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển tăng so cùng kỳ do năm nay, nhu cầu vận chuyển hàng hóa tăng mạnh nên các doanh nghiệp tăng cường sản xuất, nhập, tích trữ hàng hóa phục vụ Tết Nguyên đán). Doanh thu vận chuyển hàng hóa đạt 3.055 tỷ đồng, tăng 4,7% và tăng 13,7%; Số lượng hành khách vận chuyển đạt 82 triệu hành khách, tăng 0,2% so tháng trước và tăng 10,4% so cùng kỳ. Số lượng hành khách luân chuyển đạt 2.259 triệu hành khách.km, tăng 0,4% và tăng 12,3%; Doanh thu vận chuyển hành khách đạt 1.285 tỷ đồng, tăng 0,9% và tăng 11,3%. Dịch vụ hỗ trợ vận tải cảng, bốc xếp, đại lý vận tải,...) đạt 2.002 tỷ đồng, tăng 1,6% và 13,2%.

Tính chung cả năm, khối lượng hàng hóa vận chuyển đạt 578 triệu tấn, tăng 8,4% so cùng kỳ; khối lượng hàng hóa luân chuyển đạt 49.029 triệu tấn.km, tăng 9,8%; doanh thu đạt 32.121 tỷ đồng, tăng 8,7%. Số lượng hành khách vận chuyển 946 triệu hành khách, tăng 8,4% so cùng kỳ; số lượng hành khách luân chuyển đạt 25.995 triệu hành khách.km, tăng 9,5%; doanh thu đạt 14.873 tỷ đồng, tăng 8,8%. Dịch vụ hỗ trợ vận tải (cảng, bốc xếp, đại lý vận tải,...) đạt 22.394 tỷ đồng, tăng 8,7%.

4.5. Thị trường giá cả

Dự báo chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12 sẽ giảm nhẹ. Nguyên nhân khiến chỉ số giá tiêu dùng tháng này giảm là do các loại rau đang vào vụ nên giá nhiều loại rau giảm mạnh. Việc các loại rau giảm khiến cho nhóm thực phẩm giảm (đây là nhóm có quyền số cao nên sẽ ảnh hưởng chỉ số chung). Thêm vào đó nhóm giao thông giảm (tuy trong tháng xăng dầu tăng 2 lần nhưng tính bình quân giá xăng dầu vẫn giảm). Nhóm nhà ở, chất đốt và vật liệu xây dựng dự báo cũng giảm do giá dầu hỏa giảm, giá gas giảm từ 1/12.

Cụ thể giá một số mặt hàng như sau:

- Lương thực: Dự tính tháng 12 giá một số mặt hàng gạo trên địa bàn Hà Nội tăng 300-500đ/kg tùy từng loại gạo và tùy từng khu vực. Giá lúa gạo tăng nguyên nhân được cho chủ yếu là một lượng gạo lớn được huy động để chuyển vào miền Trung do miền Trung bị ảnh hưởng của đợt bão lụt vừa qua.

- Thực phẩm: Dự kiến tháng này nhóm thực phẩm giảm so tháng trước do giá các loại rau đồng loạt giảm mạnh. Nguyên nhân khiến các loại rau giảm là vì thời tiết nắng ấm thuận lợi cho các loại rau tăng trưởng tốt. Giá một số loại thủy hải sản tăng nhẹ.

- Nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng dự kiến sẽ giảm do giá dầu hỏa tính bình quân giảm và giá gas giảm nhẹ từ 1/12, thêm vào đó thời tiết ấm nóng nên nhu cầu dùng lò sưởi, bình nước nóng chưa cao khiến cho sản lượng điện tiêu thụ sẽ giảm hơn so với tháng trước.

- Nhóm giao thông giảm do giá xăng dầu bình quân giảm.

5. Sản xuất nông nghiệp

5.1. Trồng trọt

5.1.1. Cây hàng năm:

- Diện tích: Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm năm 2016 trên địa bàn Thành phố đạt 281.953 ha, giảm 4,2% so với năm 2015 (nguyên nhân giảm do Nhà nước thu hồi đất ở quận Hà Đông, Thường Tín, Gia Lâm và do chuyển đổi cơ cấu cây trồng, từ trồng lúa sang trồng cây ăn quả, trồng hoa như: Thường Tín, Đan Phượng, Gia Lâm, Mê Linh; chuyển từ trồng lúa sang nuôi trồng thủy sản ở huyện Chương Mỹ, Mê Linh, Phú Xuyên, Thường Tín...) Trong đó, diện tích lúa cả năm 197.165 ha, giảm 1,7%; diện tích ngô và cây lương thực có hạt khác 19.854 ha, giảm 5,8%; cây lấy củ có chất bột 6.018 ha, giảm 10,8%; mía 44 ha, giảm 18%; cây có hạt chứa dầu 16.099 ha, giảm 33%; rau, đậu, hoa cây cảnh 38.908 ha, tăng 2,3%; ...

Diện tích gieo trồng vụ Đông xuân 163.306 ha, giảm 5,9% so với vụ Đông xuân năm trước. Trong đó: Lúa 99.453 ha giảm 1,5%; ngô 15.877 ha, giảm 5,6%; khoai lang 3.126 ha, giảm 13,2%; đậu tương 11.125 ha, giảm 40,6%; lạc 2.928 ha, giảm 7%; rau, đậu các loại 24.097 ha, tăng 1,2%;...

Diện tích gieo trồng vụ Mùa năm 2016, toàn Thành phố đã gieo trồng đạt 118.647 ha, giảm 1,8% so với cùng kỳ. Trong đó: Lúa 97.712 ha giảm 1,9%; ngô 3.977 ha, giảm 6,6%; khoai lang 376 ha, tăng 1,1%; sắn 1.641 ha, giảm 7,6%; đậu tương 1.242 ha, giảm 13,4%; lạc 788 ha, tăng 12,3%; rau đậu, hoa cây cảnh các loại 10.722 ha, tăng 2,3%;

- Năng suất: Năng suất cây lúa cả năm đạt 56,5 tạ/ha, giảm 3,2% so với năm 2015; ngô 48,9 tạ/ha, tăng 0,4%; khoai lang 99,1 tạ/ha, tăng 0,8%; sắn 193,6 tạ/ha, giảm 1,4%; dong giềng 211 tạ/ha, tăng 1,9%; đậu tương 15,9 tạ/ha, tăng 6,4%; lạc 22,5 tạ/ha, giảm 1,5%; rau các loại đạt 207,7 tạ/ha, tăng 1,3%...

- Sản lượng: Kết quả đánh giá sơ bộ sản lượng lúa cả năm toàn Thành phố đạt được 1.114 nghìn tấn, giảm 4,8% so với năm 2015 (trong đó: Vụ Đông xuân

đạt 606 nghìn tấn, giảm 1,8%; vụ Mùa đạt 508 nghìn tấn, giảm 8,1%); Ngô cả năm đạt 97 nghìn tấn, giảm 5,4% (trong đó: Vụ Đông xuân 78 nghìn tấn, giảm 4,2%; vụ Mùa 19 nghìn tấn, giảm 9,8%); khoai lang đạt 35 nghìn tấn, giảm 11,1%; sắn 32 nghìn tấn, giảm 8,9%; dong giềng 14 nghìn tấn, giảm 2,8%; đậu tương 20 nghìn tấn, giảm 37,8%; lạc 8 nghìn tấn, giảm 4,8%; rau các loại 670 nghìn tấn, tăng 3%.

- Tình hình sản xuất cây vụ Đông 2016-2017: Tính đến nay, tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm vụ Đông 2017 trên địa bàn ước đạt 38.314 ha, giảm 8,9%. Trong đó, cây ngô 9.371 ha, giảm 6,3%; khoai lang 2.365 ha, giảm 12,3%; đậu tương 6.844 ha, giảm 35,3%; rau các loại 15.827 ha, tăng 7,7% so với cùng kỳ năm 2015.

Diện tích gieo trồng cây vụ Đông giảm do:

- + Giá cả vật tư nông nghiệp tăng cao nên hiệu quả của sản xuất vụ Đông giảm.
- + Diện tích thu hoạch lúa mùa bằng máy đã gây khó khăn cho việc trồng cây đậu tương.
- + Một bộ phận nông dân chưa thực sự coi trọng vụ Đông, còn trông chờ ỷ lại vào hỗ trợ của nhà nước, thiếu chủ động.

5.1.2. Cây lâu năm:

- Về diện tích: Diện tích cây lâu năm toàn Thành phố hiện có 21.065 ha, tăng 10,1% so với cùng kỳ. Nhóm cây ăn quả 17.112 ha, tăng 8,8% so với năm 2015. Trong đó: Cây xoài 394 ha giảm 6,5%; chuối 3.342 ha, giảm 0,8%; thanh long 109 ha, tăng 67,3%; dứa 292 ha, tăng 11,7%; đu đủ 860 ha, tăng 3,6%. Cam, quýt và các loại quả có múi khác 5.546 ha tăng 23,5%; cây nhãn đạt 2.023 ha, tăng 1,4%; vải 1.037 ha, tăng 3,4%; chè 3.365 ha, tăng 17% so với cùng kỳ 2015.

- Về diện tích trồng mới: Trong năm, toàn Thành phố đã trồng mới được 17 ha xoài; 455 ha chuối; 14 ha thanh long; 241 ha cam; 652 ha bưởi;....

- Về sản lượng: Cây xoài đạt 4.126 tấn, tăng 6,9%; chuối 77.367 tấn, tăng 5,3%; thanh long 685 tấn, tăng 48,8%; dứa 2.875 tấn, tăng 19%; đu đủ 15.511 tấn, tăng 4,8%; cam 8.169 tấn, tăng 23,8%; bưởi 40.008 tấn tăng 5,3%; nhãn 22.669 tấn, giảm 1,6%; vải 9.652 tấn, giảm 5,5%; chè búp 23.794 tấn, tăng 4,6% so với cùng kỳ năm 2015;...

5.2. Chăn nuôi

Năm 2016, tình hình chăn nuôi trên địa bàn Thành phố ổn định, không xảy ra dịch bệnh lớn trên đàn gia súc, gia cầm. Tỷ lệ đàn gia súc, gia cầm mắc

các bệnh truyền nhiễm thông thường thấp, tỷ lệ chữa khỏi cao, giá thức ăn chăn nuôi ổn định.

Tại thời điểm 1/10, số lượng đàn gia súc hiện có như sau: Đàn trâu có 23.972 con, giảm 5,5% so với cùng kỳ năm 2015; Đàn bò có 135.697 con, giảm 4,3% (trong đó, đàn bò sữa là 15.385 con, tăng 7%); Đàn lợn có 1.810 nghìn con, tăng 16,9% (trong đó: đàn lợn thịt 1.580 nghìn con, tăng 14,4%, lợn nái 227 nghìn con, tăng 38%); gia cầm có 28.874 nghìn con, tăng 13,6% so với cùng kỳ năm 2015. Trong đó: đàn gà 19.491 nghìn con, tăng 17,8%; đàn vịt 5.912 nghìn con, tăng 4,6%; đàn ngan ngỗng 642 nghìn con, giảm 2,6%; chim cút 2.714 nghìn con, tăng 10% so với cùng kỳ năm 2015.

Sản lượng thịt trâu hơi xuất chuồng năm 2016 đạt 1.538 tấn, tăng 2,3% so năm 2015; sản lượng thịt bò 9.688 tấn, tăng 3,1%; thịt lợn 320.984 tấn, tăng 4,5%; thịt gà 65.742 tấn, tăng 4%; thịt vịt 16.432 tấn, tăng 4,6%; thịt ngan, ngỗng 2.944 tấn, tăng 2,1% so năm 2015.

Sản phẩm chăn nuôi không qua giết thịt như sữa tươi đạt 39.393 tấn, tăng 12,6% so năm 2015; trứng gà 746.140 nghìn quả, tăng 5,9%; trứng vịt 494.746 nghìn quả, tăng 10,7%; trứng ngan ngỗng 5.948 nghìn quả, giảm 1% so năm 2015.

5.3. Lâm nghiệp, thủy sản

5.3.1. Lâm nghiệp: Diện tích rừng trồng mới năm 2016 đạt 224 ha, tăng 2,2% so với cùng kỳ. Diện tích rừng trồng được chăm sóc đạt 1.614 ha, tăng 0,4%; diện tích rừng được giao khoán bảo vệ 11.384 ha, tăng 2%; số cây trồng phân tán 800 nghìn cây xanh các loại, tăng 3,4% so với năm 2015.

Sản lượng gỗ khai thác cả năm đạt 9.532 m³, giảm 1,5%; sản lượng củi 45.800 Ste, giảm 1,3% so với cùng kỳ năm trước; tre 2.200 nghìn cây, giảm 0,8%; nứa hàng 95 nghìn cây, tăng 4,4%. Sản lượng gỗ, củi được khai thác chủ yếu ở rừng trồng và cây phân tán đến tuổi khai thác. Hiện nay mô hình trồng măng tre Bát độ trên đất rừng đang mang lại hiệu quả kinh tế cao cho một số xã ở hai huyện Quốc Oai và Ba Vì, kỹ thuật trồng tương đối dễ, tốn ít công chăm sóc và ít mắc sâu bệnh. Sơ bộ năm 2016 cho thu hoạch 1.500 tấn, tăng 7,4% so với cùng kỳ năm 2015.

Về thiệt hại rừng: Năm 2016, công tác bảo vệ, phòng chống cháy rừng vẫn được các cấp Ủy, Chính quyền các địa phương trên địa bàn Thành phố thường xuyên quan tâm, chỉ đạo sát sao. Chi cục Kiểm lâm phối hợp với các địa phương có rừng thực hiện tốt công tác tuyên truyền lưu động về bảo vệ và phòng chống cháy rừng. Tuy nhiên do thời tiết những tháng giữa năm nắng nóng kéo dài, những tháng cuối năm hanh khô đã gây ra 20 vụ cháy rừng tại các huyện Sóc Sơn, Sơn Tây, Ba Vì diện tích thiệt hại 13 ha, giá trị thiệt hại 50 triệu đồng. Tuy số vụ cháy tăng lên, nhưng nhờ có sự chỉ đạo và phòng chống tốt nên

khi xảy ra cháy đã kịp thời dập tắt không để lây lan, diện tích rừng bị cháy chủ yếu là thảm thực vật dưới tán rừng nên diện tích thiệt hại so với cùng kỳ giảm và giá trị thiệt hại cũng thấp hơn năm 2015.

Tuy địa bàn rừng, núi có nhiều khó khăn, hoạt động của các đối tượng phá rừng ngày càng tinh vi, có tổ chức, nhưng dưới sự phối hợp chặt chẽ của Chi cục Kiểm lâm với Chính quyền địa phương đã ngăn chặn được tình trạng phá rừng trái phép. Bên cạnh đó việc giao khoán bảo vệ rừng cho xã, hộ dân quản lý cũng phát huy được hiệu quả. Do vậy từ đầu năm 2016 đến nay chưa xảy ra tình trạng chặt phá rừng trên địa bàn Thành phố.

5.3.2. Thủy sản: Diện tích nuôi trồng thủy sản trên địa bàn Thành phố đạt 20.934 ha, giảm 1% so với năm 2015. Năm 2016 là năm có lượng mưa thấp nên các ao hồ mực nước thấp, diện tích nuôi 1 vụ lúa, 1 vụ cá giảm, chủ yếu vẫn nuôi thả tại các đầm hồ và diện tích nuôi các loại cá truyền thống như trắm, trôi, chép...

Về sản lượng thủy sản trên địa bàn đạt 90.307 tấn, tăng 2,6%. Trong đó, sản lượng cá đạt 89.679 tấn, tăng 2%; sản lượng tôm 56 tấn, tăng 1,8%; sản lượng thủy sản khác 572 tấn, tăng 19,9%.

Sản lượng thủy sản khai thác năm 2016 trên địa bàn ước tính đạt 2.250 tấn, tăng 9,8%. Trong đó, sản lượng cá khai thác đạt 1.628 tấn, tăng 5,9%; sản lượng tôm 56 tấn, tăng 1,8% và sản lượng thủy sản khác 566 tấn, tăng 20,2% so với cùng kỳ năm 2015.

6. Các vấn đề xã hội

6.1. Trật tự xã hội, an toàn giao thông

Tình hình trật tự an toàn xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội tháng Mười một như sau:

***) Số vụ phạm pháp:**

- Đã phát hiện 389 vụ phạm pháp hình sự, trong đó có 296 vụ do công an khám phá; số đối tượng bị bắt giữ theo Luật là 396 người.

- Đã phát hiện 128 vụ và 131 đối tượng vi phạm về kinh tế; thu nộp ngân sách 64 tỷ đồng.

- Đã phát hiện và xử lý 232 vụ, với 243 đối tượng vi phạm về môi trường; xử phạt hành chính 1.094 tỷ đồng.

***) Tệ nạn xã hội:**

- Đã xử lý hình sự 17 vụ cờ bạc và 01 vụ mại dâm; số đối tượng bị bắt giữ 86 người.

- Đã phát hiện và bắt giữ 94 vụ và 120 đối tượng phạm tội về buôn bán, tàng trữ, vận chuyển ma túy. Trong đó: xử lý hình sự 63 vụ, 74 đối tượng; xử phạt hành chính 31 vụ, 46 đối tượng.

*) *Trật tự an toàn giao thông*: Toàn Thành phố đã xảy ra 114 vụ tai nạn giao thông đường bộ, đường sắt, làm 49 người chết và 97 người bị thương. Trong đó, đường bộ 110 vụ, làm 39 người chết và bị thương 96 người.

6.2. Tình hình giải quyết việc làm, đào tạo nghề

Năm 2016, Thành phố đã rà soát, sắp xếp lại hệ thống trung tâm dịch vụ việc làm, thành lập các điểm giao dịch việc làm vệ tinh. Ước tính 2016, toàn thành phố đã giải quyết việc làm cho 150 nghìn người, đạt 100% kế hoạch năm; Xét duyệt 2.885 dự án vay vốn từ quỹ quốc gia giải quyết việc làm với số tiền trên 500 tỷ đồng. Xuất khẩu lao động khoảng 3.000 người đi các nước Nhật Bản, Đài Loan, Malaysia, Ả rập xê út và một số nước Châu Phi...

Các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn thành phố đã tuyển sinh và đào tạo khoảng 148 nghìn lượt người; Các quận, huyện đã mở 767 lớp dạy nghề cho 26.570 lao động nông thôn.

6.3. Công tác đền ơn đáp nghĩa

Trong năm 2016, Thành phố tiếp tục thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, người có công với cách mạng và nhân thân luôn được chăm sóc tốt, đảm bảo tất cả các gia đình chính sách đều có cuộc sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của người dân địa phương; Người nghèo và các đối tượng bảo trợ xã hội, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn được chăm lo... Đặc biệt quan tâm chăm lo Tết cho đồng bào khu vực vùng sâu, vùng xa và dân tộc. Trong dịp Tết Nguyên đán và dịp ngày thương binh Liệt sĩ 27/7, Thành phố đã hướng dẫn các quận, huyện, thị xã thực hiện các hoạt động kỷ niệm, vận động ủng hộ với tinh thần tương thân, tương ái và từ các nguồn ngân sách để thăm hỏi, tặng quà các đối tượng chính sách.

Trong dịp Tết Nguyên đán Bính Thân, toàn Thành phố đã tặng trên 1.230 nghìn suất quà cho người hưởng chính sách ưu đãi người có công, hộ nghèo, hộ cận nghèo, người cao tuổi, đối tượng bảo trợ xã hội, người khuyết tật, người lao động có hoàn cảnh khó khăn... với kinh phí trên 385 tỷ đồng.

Trong năm, đã huy động được trên 15 tỷ đồng cho Quỹ vì người nghèo và 104 tỷ đồng cho Quỹ người có công; thực hiện hỗ trợ 61.065 hộ nghèo tiếp cận truyền hình số. Thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ tín dụng ưu đãi, như: cho vay hộ nghèo và học sinh, sinh viên, cho vay xuất khẩu lao động, hỗ trợ tiền điện, cấp thẻ bảo hiểm y tế, miễn, giảm học phí cho con em hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số...

7. Thu chi ngân sách, tín dụng ngân hàng và thị trường chứng khoán

7.1. Thu chi ngân sách

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2016 ước đạt 173.846 tỷ đồng, tăng 16,3% so cùng kỳ và bằng 102,6% dự toán HĐND Thành phố giao. Trong đó: Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu 16.100 tỷ đồng, tăng 2,7% so cùng kỳ, đạt 107,4% dự toán; Thu từ dầu thô 2.300 tỷ đồng, bằng 61,3% so cùng kỳ, đạt 100% dự toán; Thu nội địa 155.446 tỷ đồng, tăng 19,5% so cùng kỳ, đạt 102,2% dự toán.

Chi ngân sách địa phương năm 2016 ước chi 74.479 tỷ đồng, tăng 17,9% so cùng kỳ và bằng 101% dự toán năm. Trong đó: Chi đầu tư phát triển là 33.499 tỷ đồng, tăng 24,2% so cùng kỳ, đạt 107,7% dự toán; Các khoản chi thường xuyên 40.969 tỷ đồng, tăng 15,6%, đạt 100% dự toán.

7.2. Tín dụng ngân hàng

*) *Hoạt động huy động vốn*: Tháng Mười hai, nguồn vốn huy động của các tổ chức tín dụng trên địa bàn ước đạt 1.689 nghìn tỷ đồng, tăng 3,3% so tháng trước và tăng 14,6% so tháng 12 năm trước. Trong tổng nguồn vốn huy động: tiền gửi đạt 1.577 nghìn tỷ đồng, chiếm 93,4% trong tổng nguồn vốn huy động, tăng 3,4% so tháng trước và tăng 13,9% so tháng 12 năm trước (tiền gửi bằng đồng Việt Nam đạt 1.286 nghìn tỷ, tăng 3,7% và tăng 16,7%); phát hành giấy tờ có giá đạt 112 nghìn tỷ đồng, chiếm 6,6%, tăng 2,4% và tăng 24,4%.

Tính chung 12 tháng, nguồn vốn huy động ước đạt 18.333 nghìn tỷ đồng, tăng 16,7% so năm 2015. Trong đó: Tiền gửi đạt 17.205 nghìn tỷ đồng, chiếm 93,8% trong tổng nguồn vốn huy động, tăng 14,9% so năm 2015 (tiền gửi bằng đồng Việt Nam đạt 13.938 nghìn tỷ, tăng 17%); phát hành giấy tờ có giá đạt 1.128 nghìn tỷ, tăng 51,5%.

*) *Hoạt động tín dụng*:

Tổng dư nợ trên địa bàn Thành phố tháng Mười hai ước đạt 1.463 nghìn tỷ đồng, tăng 4% so tháng trước và 18,2% so cùng kỳ. Trong đó: Dư nợ ngắn hạn đạt 825 nghìn tỷ đồng, tăng 5% và 15,7%; dư nợ trung và dài hạn đạt 638 nghìn tỷ đồng, tăng 2,7% và 21,5%.

Tính chung 12 tháng, tổng dư nợ trên địa bàn đạt 16.113 nghìn tỷ đồng, tăng 19,4% so cùng kỳ. Trong đó: dư nợ ngắn hạn đạt 9.111 nghìn tỷ đồng, tăng 10,5%; dư nợ trung và dài hạn đạt 7.002 nghìn tỷ đồng, tăng 33,4%.

Trong tổng dư nợ cho vay trên địa bàn năm 2016: Dư nợ cho vay doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm 41,8%; cho vay bất động sản chiếm 8,4%; cho vay tiêu dùng chiếm 9%; cho vay xuất khẩu chiếm 9,8%.

Tính đến hết tháng Mười một, tỷ lệ nợ quá hạn trong tổng dư nợ chiếm 3,03% và tỷ lệ nợ quá hạn trong tổng dư nợ cho vay chiếm 4%.

7.3. Thị trường chứng khoán

Kết thúc phiên giao dịch ngày 15/12, trên hai sàn chứng khoán HNX và Upcom do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội quản lý có 765 doanh nghiệp niêm yết (trong đó: HNX có 374 doanh nghiệp niêm yết; Upcom có 391 doanh nghiệp đăng ký giao dịch). Giá trị vốn hóa toàn thị trường tiếp tục được tăng cao khi số doanh nghiệp lớn đăng ký giao dịch trên Upcom ngày càng nhiều như ACV - Tổng Công ty cảng hàng không; BHN - Tổng Công ty rượu, bia và nước giải khát Hà Nội; Kết thúc phiên ngày 15/12, giá trị vốn hóa toàn thị trường đạt 436.255 tỷ đồng, tăng 105,2% so đầu năm (trong đó: HNX đạt 143.441 tỷ đồng, giảm 5,4%; Upcom đạt 292.814 tỷ đồng, tăng 379,8%).

Thị trường cổ phiếu niêm yết (HNX)

Thị trường tiền tệ tiếp tục có biến động nhẹ, tỷ giá trung tâm USD/VND tăng do đồng USD tăng giá và yếu tố mùa vụ ở trong nước nên đã ảnh hưởng đến tâm lý giao dịch của các nhà đầu tư.

Kết thúc phiên ngày 15/12, chỉ số HNX Index đạt 78,85 điểm, giảm 1,4% so đầu năm (chỉ số HNX30 đạt 141,05 điểm, giảm 0,1% so đầu năm và chỉ số VNX Allshare đạt 931,01 điểm, giảm 6,9% so ngày đầu áp dụng).

Trong 11 phiên giao dịch đầu tháng Mười hai, khối lượng giao dịch đạt 530 triệu CP, giá trị giao dịch đạt 5.153 tỷ đồng (trong đó: giao dịch khớp lệnh đạt 458 triệu CP, giao dịch thỏa thuận đạt 72 triệu CP; giá trị giao dịch lần lượt đạt 3.909 tỷ đồng và 1.244 tỷ đồng). Bình quân một phiên giao dịch có 48,2 triệu CP được chuyển nhượng, với giá trị chuyển nhượng bình quân đạt 468,4 tỷ đồng, tăng 17,1% về khối lượng và 20,1% về giá trị so bình quân chung tháng 11.

Lũy kế từ đầu năm, khối lượng giao dịch đạt 11.232 triệu CP được chuyển nhượng, giá trị chuyển nhượng đạt 125.554 tỷ đồng, bằng 101,8% về khối lượng và 97% về giá trị so cùng kỳ năm trước.

Thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom)

Kết thúc phiên ngày 15/12, chỉ số Upcom Index đạt 56,36 điểm, tăng 9,9% so đầu năm (chỉ số Upcom Premium đạt 97,83 điểm, giảm 2,2% so ngày đầu áp dụng).

Trong 11 phiên giao dịch đầu tháng Mười hai, khối lượng giao dịch đạt 77 triệu CP, giá trị giao dịch đạt 1.722 tỷ đồng. Bình quân một phiên giao dịch có 7 triệu CP được chuyển nhượng, giá trị chuyển nhượng bình quân đạt 156,6 triệu CP, tăng 3% về khối lượng và 8,7% về giá trị so bình quân chung tháng trước.

Lũy kế từ đầu năm, khối lượng giao dịch đạt 1.917 triệu CP, giá trị giao dịch đạt 29.328 tỷ đồng, tăng 156,1% về khối lượng và tăng 158,7% về giá trị so cùng kỳ.

Hoạt động cấp mã giao dịch và tài khoản của các nhà đầu tư

Tình hình cấp mã giao dịch và tài khoản của các nhà đầu tư tháng Mười một và 11 tháng năm 2016 như sau:

- Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam - VSD đã cấp được 214 mã giao dịch cho các nhà đầu tư nước ngoài (trong đó: Tổ chức 43; cá nhân 171). Lũy kế từ đầu năm, VSD đã cấp được 1.597 mã giao dịch (trong đó: Tổ chức 317; cá nhân 1.280), đưa tổng số mã mà VSD đã cấp đạt 20.107 mã (trong đó: Tổ chức 3.116; cá nhân 16.991).

- Tài khoản giao dịch của các nhà đầu tư được cấp mới trong tháng đạt 19.342 tài khoản (trong đó: Tài khoản của các NĐT cá nhân trong nước đạt 19.049; tổ chức trong nước 89; cá nhân nước ngoài 187; tổ chức nước ngoài 17). Lũy kế từ đầu năm, tài khoản của các NĐT được cấp mới đạt 156.760 tài khoản, tăng 29% so cùng kỳ (trong đó: Cá nhân trong nước 154.113; tổ chức trong nước 929; cá nhân nước ngoài 1.388; tổ chức nước ngoài 330), đưa tổng số tài khoản hiện có đạt 1.690.051 tài khoản.

Nơi nhận:

- Tổng cục Thống kê;
- Thường trực Thành uỷ;
- Thường trực UBND Thành phố;
- Một số Sở, ngành Thành phố;
- Các đơn vị thuộc Cục Thống kê;
- Cục Thống kê một số tỉnh, TP;
- Lưu VT, TH.

Q.CỤC TRƯỞNG

(Đã ký)

Đỗ Ngọc Khải

CỤC THỐNG KÊ THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Số 1 - Hàn Thuyên - Hai Bà Trưng - Hà Nội
ĐT: 04.38254239 - Fax: 04.38246150

TỔNG SẢN PHẨM TRÊN ĐỊA BÀN (GRDP)

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(Giá so sánh 2010)

Đơn vị tính: Tỷ đồng, %

Phân theo ngành kinh tế	Thực hiện năm 2015	Ước tính năm 2016	<u>Năm 2016</u> <u>Năm 2015</u>
TỔNG SẢN PHẨM TRÊN ĐỊA BÀN	442668	478964	108.20
<i>Thuế nhập khẩu và thuế sản phẩm</i>	43205	46306	107.18
<i>Tổng giá trị tăng thêm</i>	399463	432658	108.31
- Nông - lâm nghiệp, thủy sản	14825	15152	102.21
- Công nghiệp	98651	105755	107.20
- Xây dựng	36683	41754	113.82
- Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	70338	77103	109.62
- Vận tải, kho bãi	26876	29196	108.63
- Dịch vụ lưu trú và ăn uống	10742	11536	107.39
- Thông tin và truyền thông	43926	47493	108.12
- Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	33163	35474	106.97
- Hoạt động kinh doanh bất động sản	15586	16600	106.51
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	9631	10420	108.19
- Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	4556	4918	107.95
- Hoạt động của Đảng Cộng sản, tổ chức CT-XH, quản lý NN và an ninh QP, đảm bảo xã hội bắt buộc	8036	8678	107.99
- Giáo dục và đào tạo	15888	17229	108.44
- Y tế và hoạt động cứu trợ XH	5415	5811	107.31
- Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	2737	2948	107.71
- Hoạt động dịch vụ khác	1980	2125	107.32
- Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	430	466	108.37
II. Chia theo 4 ngành lớn			
- Nông - lâm, thủy sản	14825	15152	102.21
- Công nghiệp, xây dựng	135334	147509	109.00
- Dịch vụ	249304	269997	108.30
- Thuế nhập khẩu và thuế sản phẩm	43205	46306	107.18

SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

I. CHỈ SỐ SẢN XUẤT NGÀNH CÔNG NGHIỆP

Đơn vị tính: %

	Chính thức tháng trước		Ước tính tháng báo cáo		Chỉ số cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước
	So với tháng BQ năm 2010	So với tháng 11/2015	So với tháng BQ năm 2010	So với tháng 12/2015	
Toàn ngành	138.68	107.70	146.29	109.92	107.14
Khai khoáng	9.10	16.89	9.44	16.78	46.39
- Khai khoáng khác	9.10	16.89	9.44	16.78	46.39
Công nghiệp chế biến, chế tạo	138.78	108.17	146.26	110.55	107.50
- Sản xuất chế biến thực phẩm	151.74	124.07	158.58	128.13	120.96
- Sản xuất đồ uống	58.25	96.18	62.62	121.88	97.98
- Sản xuất sản phẩm thuốc lá	165.88	104.70	167.62	107.95	107.81
- Dệt	84.90	108.71	94.32	106.07	99.86
- Sản xuất trang phục	253.56	98.79	293.49	110.25	119.98
- Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tết bện	41.58	27.95	58.13	42.11	53.52
- Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	111.15	104.48	133.14	100.27	99.72
- Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	77.92	89.47	78.84	90.99	92.43
- Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	382.31	156.65	402.32	141.73	130.12
- Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	136.33	125.89	149.53	112.80	104.86
- Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	58.25	96.03	64.40	97.86	101.09
- Sản xuất kim loại	58.20	99.71	69.06	95.96	112.60
- Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	71.52	82.33	73.85	87.05	91.16
- Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	71.30	96.17	73.35	101.01	94.02
- Sản xuất thiết bị điện	93.21	109.40	99.77	119.56	101.65

I. CHỈ SỐ SẢN XUẤT NGÀNH CÔNG NGHIỆP (TIẾP THEO)

Đơn vị tính: %

	Chính thức tháng trước		Ước tính tháng báo cáo		Chỉ số cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước
	So với tháng BQ năm 2010	So với tháng 11/2015	So với tháng BQ năm 2010	So với tháng 12/2015	
- Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu	47.89	105.74	52.39	104.88	99.52
- Sản xuất xe có động cơ	159.71	79.98	154.43	93.05	97.26
- Sản xuất phương tiện vận tải khác	295.15	125.81	288.98	120.88	117.01
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	623.33	168.84	627.49	159.44	164.90
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, hơi nước, và điều hoà không khí	161.77	107.04	169.72	107.42	107.64
- Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, hơi nước, và điều hoà không khí	161.77	107.04	169.72	107.42	107.64
Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	136.39	103.17	149.99	100.71	101.29
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước	145.43	98.78	157.63	104.80	103.46
- Thoát nước và xử lý nước thải	153.73	107.85	183.41	90.99	97.51
- Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu huỷ rác thải; tái chế phế liệu	106.69	107.56	108.29	108.30	102.31

CỤC THỐNG KÊ THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Số 1 - Hàn Thuyên - Hai Bà Trưng - Hà Nội
ĐT: 04.38254239 - Fax: 04.38246150

II. SẢN PHẨM CHỦ YẾU CÔNG NGHIỆP

	Đơn vị tính	Ước tính		% So sánh	
		Thực hiện tháng 12	Thực hiện Năm 2016	T 12/2016 T 11/2016	Năm 2016 Năm 2015
- Bánh và kẹo các loại	Tấn	3140	27369	107.3	104.9
- Bia các loại	1000 Lít	16126	204536	104.0	98.3
- Thuốc lá có đầu lọc	1000 Bao	117500	1261743	101.1	107.8
- Vải dệt kim hoặc móc khác	1000 M ²	173	1672	121.0	115.4
- Áo khoác dài, áo khoác không tay, áo khoác có mũ, áo gió cho người lớn dệt kim hoặc đan móc	1000 Cái	94	1103	103.3	59.0
- Áo sơ mi cho người lớn dệt kim hoặc đan móc	1000 Cái	4242	39431	131.7	128.1
- Bộ com-lê, quần áo đồng bộ, áo jacket, quần dài, quần yếm, quần sóc cho người lớn không dệt kim	1000 Cái	1461	17696	120.8	90.5
- Bộ com-lê, quần áo đồng bộ, áo jacket, váy, quần dài, quần sóc cho trẻ em không dệt kim hoặc đan móc	1000 Cái	1987	18597	108.1	106.4
- Áo sơ mi cho người lớn không dệt kim hoặc đan móc	1000 Cái	5471	43843	108.3	150.3
- Bộ quần áo thể thao khác	1000 Cái	639	7174	102.2	99.7
- Cửa sổ, cửa ra vào bằng gỗ	M ²	9810	94959	105.5	113.1
- Sản phẩm mây, tre đan các loại	1000 cái	4430	43867	103.4	103.0
- Giấy và bìa không tráng khác, dùng để viết, in và dùng cho mục đích in ấn	Tấn	1757	31493	133.5	161.5
- Giấy và bìa khác (Giấy than, giấy duplex khổ lớn)	Tấn	2696	31713	102.5	115.7
- Bao bì và túi bằng giấy (trừ giấy nhãn)	1000 Chiếc	7880	93757	102.3	109.8
- Băng vệ sinh, tã lót cho trẻ sơ sinh và các sản phẩm vệ sinh tương tự	Tấn	236	2245	120.4	92.3
- Sổ sách, vở, giấy thép	Tấn	4895	52027	125.8	89.4
- Phân bón các loại	Tấn	15454	303320	64.9	97.0
- Thuốc trừ sâu khác và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	Tấn	550	10289	102.0	84.2
- Dược phẩm chứa hóc môn nhưng không có kháng sinh dạng viên	Triệu Viên	178	2301	123.6	93.2
- Dược phẩm khác chưa phân vào đâu	Kg	229781	2656000	104.8	109.0
- Dung dịch đạm huyết thanh	1000 Lít	860	8974	105.0	112.4
- Vắc xin dùng làm thuốc thú y	1000 Liều	58894	492279	101.1	256.2

II. SẢN PHẨM CHỦ YẾU CÔNG NGHIỆP (TIẾP THEO)

	Đơn vị tính	Ước tính		% So sánh	
		Thực hiện tháng 12	Thực hiện Năm 2016	<u>T 12/2016</u> <u>T 11/2016</u>	<u>Năm 2016</u> <u>Năm 2015</u>
- Gạch xây dựng bằng đất sét nung (trừ gốm, sứ) quy chuẩn 220x105x60mm	1000 Viên	64128	710636	99.8	99.7
- Sản phẩm gia dụng và các sản phẩm phục vụ vệ sinh khác bằng sứ (trừ bộ đồ ăn và bộ đồ nhà bếp)	1000 Cái	126	1306	100.8	102.8
- Sản phẩm vệ sinh gắn cố định bằng gốm sứ	1000 Cái	156	1572	101.3	93.5
- Bê tông trộn sẵn (bê tông tươi)	M ³	148842	1597220	115.1	96.7
- Tấm lợp bằng kim loại	Tấn	12977	135296	98.3	113.5
- Cửa ra vào, cửa sổ bằng nhôm	M ²	14184	207235	104.2	42.0
- Máy in-copy, in bằng công nghệ in phun có thể kết nối với máy xử lý dữ liệu	Cái	388002	5106527	105.6	86.5
- Trạm (thiết bị) thu phát gốc	1000 Cái	179	2143	98.7	95.3
- Thiết bị và dụng cụ quang học khác chưa được phân vào đầu	1000 Cái	1430	16533	105.2	120.1
- Động cơ xoay chiều khác, đa pha có công suất bằng 750W	Chiếc	3963	44589	88.9	103.9
- Máy biến thế điện sử dụng điện môi lỏng các loại	Chiếc	214	2651	113.2	73.8
- Máy biến áp dùng cho thiết bị đo lường có công suất = 1 kVA	Chiếc	2610	27274	107.0	87.8
- Máy biến thế điện khác có công suất > 16 kVA	Chiếc	60	1192	105.3	86.8
- Bộ phận của thiết bị phân phối và điều khiển điện	Tấn	7	255	100.0	10.2
- Tủ lạnh, loại sử dụng trong gia đình	Cái	71486	703680	99.5	130.8
- Quạt bàn, quạt sàn, quạt tường, quạt cửa sổ, quạt trần hoặc quạt mái... công suất không quá 125W	1000 Cái	39	2669	79.0	106.1
- Xe có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén chở được từ 10 người trở lên với tổng tải trọng = 6 tấn	Chiếc	965	9812	99.8	123.8
- Xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa có động cơ đốt trong kiểu piston các loại	Chiếc	1064	13449	103.6	73.4
- Thiết bị khác dùng cho động cơ của xe có động cơ	1000 Cái	519	6471	90.6	106.4

III. SẢN PHẨM CHỦ YẾU CÔNG NGHIỆP (TIẾP THEO)

	Đơn vị tính	Ước tính		% So sánh	
		Thực hiện tháng 12	Thực hiện Năm 2016	<u>T 12/2016</u> <u>T 11/2016</u>	<u>Năm 2016</u> <u>Năm 2015</u>
- Phụ tùng khác của xe có động cơ	1000 Cái	34189	374066	100.1	117.7
- Xe mô tô, xe máy có gắn động cơ phụ trợ với động cơ piston đốt trong xi lanh > 50 cc nhưng = 250cc	Chiếc	112472	996386	101.8	110.2
- Các bộ phận và phụ tùng của xe mô tô, xe máy và xe thùng khác	Tấn	13284	117180	96.6	119.6
- Ghế khác có khung bằng gỗ	Chiếc	10560	128202	79.1	137.8
- Giường bằng gỗ các loại	Chiếc	20000	281585	95.8	123.6
- Tủ bằng gỗ khác (trừ tủ bếp)	Chiếc	38981	407895	100.2	104.6
- Bàn bằng gỗ các loại	Chiếc	720626	6333779	100.2	176.1
- Điện thương phẩm	Triệu Kwh	1260	13849	104.9	107.6
- Nước uống được	1000 M ³	21532	239448	108.4	103.5

CỤC THỐNG KÊ THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Số 1 - Hàn Thuyên - Hai Bà Trưng - Hà Nội
ĐT: 04.38254239 - Fax: 04.38246150

VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TRÊN ĐỊA BÀN

Đơn vị tính: Tỷ đồng, %

	Thực hiện năm 2015	Ước tính năm 2016	<u>Năm 2016</u> <u>Năm 2015</u>
TỔNG SỐ	252685	277950	110.0
I. Vốn Nhà nước trên địa bàn	109774	117000	106.6
1. Vốn Trung ương quản lý	85018	82480	97.0
2. Vốn địa phương quản lý	24756	34520	139.4
II. Vốn ngoài Nhà nước	115966	133360	115.0
1. Vốn tự có của tổ chức, DN ngoài Nhà nước	90165	101533	112.6
2. Vốn đầu tư của dân cư	25801	31827	123.4
III. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	26945	27590	102.4
1. Vốn tự có	16275	16522	101.5
2. Vốn vay	10670	11068	103.7

CỤC THỐNG KÊ THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Số 1 - Hàn Thuyên - Hai Bà Trưng - Hà Nội
ĐT: 04.38254239 - Fax: 04.38246150

THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ

I. TỔNG MỨC LƯU CHUYỂN HÀNG HÓA VÀ DOANH THU DỊCH VỤ TIÊU DÙNG XÃ HỘI

Đơn vị tính: Tỷ đồng

	Ước tính		% So sánh	
	Thực hiện tháng 12	Thực hiện Năm 2016	T 12/2016 T 11/2016	Năm 2016 Năm 2015
1. Tổng mức bán ra và doanh thu dịch vụ	192767	2131379	102.9	110.0
<i>Chia theo thành phần kinh tế</i>				
+ Kinh tế nhà nước	54830	609811	103.2	107.0
+ Kinh tế ngoài nhà nước	128937	1420627	102.8	111.5
+ Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	9000	100941	102.2	108.0
<i>Chia theo ngành hoạt động</i>				
+ Thương nghiệp	145500	1588800	103.3	110.1
+ Khách sạn - nhà hàng	4085	46778	101.2	111.4
+ Du lịch lữ hành	702	8327	101.1	106.3
+ Dịch vụ	42480	487474	101.5	109.5
2. Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ	45816	504270	101.4	108.8
<i>Chia theo thành phần kinh tế</i>				
+ Kinh tế nhà nước	6330	70167	101.2	108.5
+ Kinh tế ngoài nhà nước	34776	380703	101.5	108.5
+ Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	4710	53400	100.9	110.9
<i>Chia theo ngành hoạt động</i>				
+ Thương nghiệp	23510	256823	101.8	110.8
+ Khách sạn - nhà hàng	4085	46778	101.2	111.4
+ Du lịch lữ hành	702	8327	101.1	106.3
+ Dịch vụ	17519	192343	100.9	105.7
3. Cơ cấu tổng mức bán lẻ (%)				
+ Kinh tế Nhà nước	13.8	13.9	-	-
+ Kinh tế ngoài Nhà nước	75.9	75.5	-	-
+ Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	10.3	10.6	-	-

II. KIM NGẠCH XUẤT KHẨU TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI

Đơn vị tính: Triệu USD

	Ước tính		% so sánh	
	Thực hiện tháng 12	Thực hiện Năm 2016	T 12/2016 T 11/2016	Năm 2016 Năm 2015
Tổng kim ngạch XK trên địa bàn	928	10613	103.0	101.3
<i>Trong đó: XK địa phương</i>	<i>708</i>	<i>8143</i>	<i>103.1</i>	<i>101.5</i>
Chia theo thành phần kinh tế				
- Kinh tế nhà nước	237	2681	102.6	100.4
- Kinh tế ngoài nhà nước	237	2648	102.8	102.5
- Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	454	5284	103.3	101.2
Chia theo nhóm hàng chủ yếu				
- Hàng nông sản	70	959	104.2	90.8
<i>Trong đó: + Gạo</i>	<i>13</i>	<i>257</i>	<i>99.2</i>	<i>78.4</i>
<i>+ Cà phê</i>	<i>14</i>	<i>245</i>	<i>108.0</i>	<i>101.4</i>
<i>+ Hạt tiêu</i>	<i>6</i>	<i>113</i>	<i>103.8</i>	<i>102.6</i>
<i>+ Chè</i>	<i>7</i>	<i>78</i>	<i>104.3</i>	<i>94.8</i>
- Hàng may, dệt	147	1551	101.4	94.8
- Giày dép các loại và SP từ da	20	248	104.7	102.3
- Hàng điện tử	47	570	102.2	99.6
- Linh kiện máy tính và thiết bị ngoại vi	138	1421	107.8	98.8
- Hàng thủ công mỹ nghệ	15	171	102.0	97.3
- Xăng dầu (tạm nhập, tái xuất)	36	447	102.9	83.8
- Máy móc thiết bị phụ tùng	146	1388	101.4	114.5
- Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh	35	369	109.4	101.7
- Phương tiện vận tải và phụ tùng	74	735	104.2	124.4
- Hàng hoá khác	200	2754	100.5	103.7

III. KIM NGẠCH NHẬP KHẨU TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI

Đơn vị tính: Triệu USD

	Ước tính		% So sánh	
	Thực hiện tháng 12	Thực hiện Năm 2016	T 12/2016 T 11/2016	Năm 2016 Năm 2015
Tổng kim ngạch NK trên địa bàn	2414	24833	100.8	96.6
<i>Trong đó: NK địa phương</i>	<i>1041</i>	<i>10804</i>	<i>100.6</i>	<i>97.7</i>
Chia theo thành phần kinh tế				
- Kinh tế nhà nước	1497	15238	101.0	95.6
- Kinh tế ngoài nhà nước	425	4186	100.8	95.8
- Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	492	5409	100.3	100.2
Chia theo nhóm hàng chủ yếu				
- Máy móc thiết bị, phụ tùng	691	6505	101.1	99.7
- Vật tư, nguyên liệu (trừ xăng dầu)	786	8743	100.3	94.7
<i>Trong đó: + Sắt thép</i>	<i>120</i>	<i>1411</i>	<i>100.5</i>	<i>104.2</i>
<i>+ Phân bón</i>	<i>22</i>	<i>243</i>	<i>104.1</i>	<i>86.2</i>
<i>+ Hoá chất</i>	<i>30</i>	<i>304</i>	<i>101.4</i>	<i>85.7</i>
<i>+ Chất dẻo</i>	<i>68</i>	<i>750</i>	<i>100.2</i>	<i>100.6</i>
<i>+ Xăng dầu</i>	<i>276</i>	<i>2663</i>	<i>101.6</i>	<i>77.5</i>
- Hàng hoá khác	937	9585	101.0	96.3

CỤC THỐNG KÊ THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Số 1 - Hàn Thuyên - Hai Bà Trưng - Hà Nội
ĐT: 04.38254239 - Fax: 04.38246150

IV. HOẠT ĐỘNG NGÀNH VẬN TẢI

	Ước tính		% So sánh	
	Thực hiện tháng 12	Thực hiện Năm 2016	$\frac{T\ 12/2016}{T\ 11/2016}$	$\frac{\text{Năm 2016}}{\text{Năm 2015}}$
1. Doanh thu (Tỷ đồng)	6342	69388	102.9	108.7
a. Chia theo thành phần kinh tế				
+ Kinh tế Nhà nước	2206	25436	101.0	107.7
+ Kinh tế ngoài Nhà nước	3332	34896	104.7	109.5
+ Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	804	9056	101.1	108.5
b. Chia theo ngành hoạt động				
+ Vận tải hàng hoá	3055	32121	104.7	108.7
+ Vận tải hành khách	1285	14873	100.9	108.8
+ Hỗ trợ vận tải (cảng, b.xếp, đại lý vận tải...)	2002	22394	101.6	108.7
2. Sản lượng				
- Khối lượng hàng hoá vận chuyển (Triệu T)	51	578	101.8	108.4
- Khối lượng hàng hoá luân chuyển (Triệu T.Km)	4393	49029	102.8	109.8
- Số lượt hành khách vận chuyển (Triệu HK)	82	946	100.2	108.4
- Số lượt HK luân chuyển (Triệu HK.Km)	2259	25995	100.4	109.5

CỤC THỐNG KÊ THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Số 1 - Hàn Thuyên - Hai Bà Trưng - Hà Nội
ĐT: 04.38254239 - Fax: 04.38246150

SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016	% So sánh
* Tổng sản lượng cây lương thực có hạt	Tấn	1272048	1210562	95.2
I. Diện tích gieo trồng cây hàng năm	Ha	294325	281953	95.8
<i>Trong đó:</i>				
- Lúa	"	200531	197165	98.3
- Ngô	"	21074	19854	94.2
- Rau các loại	"	31727	32270	101.7
- Đậu tương	"	20171	12367	61.3
- Lạc	"	3846	3716	96.6
II. Năng suất	Tạ/ha			
<i>Trong đó:</i>				
- Lúa	"	58.3	56.5	96.8
- Ngô	"	48.7	48.9	100.4
- Rau	"	205.0	207.7	101.3
- Đậu tương	"	14.9	15.9	106.4
- Lạc	"	22.8	22.5	98.6
III. Sản lượng	Tấn			
<i>Trong đó:</i>				
- Lúa	"	1169463	1113513	95.2
- Ngô	"	102584	97049	94.6
- Rau	"	650434	670221	103.0
- Đậu tương	"	30152	19665	65.2
- Lạc	"	8781	8360	95.2
IV. Giá trị sản xuất Nông - Lâm nghiệp và Thủy sản (giá 2010)	Tỷ đồng	33356	34230	102.6
<i>Chia ra:</i>				
Nông nghiệp	"	30792	31625	102.7
Lâm Nghiệp	"	67	69	102.5
Thủy sản	"	2497	2536	101.6

THU CHI NGÂN SÁCH

Đơn vị: Tỷ đồng

	Dự kiến năm 2016	% so sánh	
		<u>Năm 2016</u> D.toán năm	<u>Năm 2016</u> Năm 2015
I- TỔNG THU NGÂN SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN	173846	102.6	116.3
Chia ra: 1. Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	16100	107.4	102.7
2. Thu dầu thô	2300	100.0	61.3
3. Thu nội địa	155446	102.2	119.5
<i>Trong đó:</i>			
- Thu từ DN và cá nhân sản xuất kinh doanh hàng hóa và dịch vụ	87866	90.6	109.0
- Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	4150	122.1	141.6
- Thuế môi trường	5100	92.7	154.7
- Lệ phí trước bạ	6300	105.0	115.6
- Thuế thu nhập cá nhân	14700	100.7	116.4
- Thu phí và lệ phí	5500	91.7	118.9
- Thu tiền sử dụng đất	25000	192.3	186.0
II- TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	74479	101.0	117.9
1. Chi đầu tư phát triển	33499	107.7	124.2
Trong đó: Chi đầu tư XD CB	28158	109.5	106.2
2. Chi thường xuyên	40969	100.0	115.6
<i>Trong đó</i>			
- Chi sự nghiệp kinh tế	6536	96.2	100.1
- Chi sự nghiệp giáo dục và dạy nghề	11200	106.1	112.1
- Chi sự nghiệp y tế, dân số KHH gia đình	3348	97	113.2
- Chi quản lý hành chính, Đảng, Đoàn thể	6826	100.3	109.3
3. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	10	100.0	100.0